

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024- 2025**

Căn cứ phát triển chương trình giáo dục của trường Mầm non An Sinh A;

Căn cứ tài liệu hướng dẫn phát triển Chương trình giáo dục nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành

Căn cứ đánh giá hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục Mầm non của từng trẻ trong nhóm lớp năm học 2023 - 2024;

Căn cứ vào nhu cầu của trẻ, khả năng của giáo viên, điều kiện thực tế của nhà trường, của lớp học;

Căn cứ vào tình hình đặc điểm của địa phương;

Lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi B1 xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC SỨC KHỎE.

STT	MÃ	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
			1. Tổ chức ăn
1	MT1	Trẻ được ăn theo chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. Trẻ được ăn một bữa chính và một bữa phụ. Trẻ được ăn theo thực đơn, phù hợp với lứa tuổi, nguồn thực phẩm của địa phương và được thay đổi không trùng lặp.	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal. Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.</i> <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng

			khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.
		2. Tổ chức ngủ	
2	MT2	Trẻ được ngủ đúng, đủ giấc, an toàn	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). - Đảm bảo mỗi trẻ 1 giường cá nhân riêng, có đủ gối, chăn, đảm bảo ấm về mùa đông. - Bố trí chỗ nằm hợp lý cho trẻ. - Trong khi trẻ ngủ, cô thường xuyên có mặt xử lý tình huống đảm bảo an toàn cho trẻ.
		3. Vệ sinh	
3	MT3	Trẻ được vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường	- Chuẩn bị đồ dùng vệ sinh cá nhân: Xà phòng, khăn khô để lau tay, khăn mặt có ký hiệu của trẻ, - Hướng dẫn trẻ cách lau mặt sạch sẽ trước và sau khi ăn. - Hướng dẫn trẻ cách chải răng và kết hợp với gia đình để dạy trẻ, tuyên truyền cho phụ huynh không nên cho trẻ ăn quà vặt phòng bệnh răng miệng. - Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, xả nước, rửa tay sau khi đi vệ sinh. - Hướng dẫn trẻ giữ gìn quần áo, giày dép sạch sẽ. - Hướng dẫn trẻ vứt rác đúng nơi quy định, không vẽ bằn lên tường, bàn ghế.
		4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
4	MT4	Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:	- Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng với nhu cầu phát triển trẻ theo độ tuổi .

		- Trẻ trai: + Cân nặng: 14,1 -24,2 kg + Chiều cao: 100,7 – 119,2 cm - Trẻ gái: + Cân nặng: 13,7 - 24,9 kg + Chiều cao: 99,9 – 118,9 cm	- Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm. - Cân đo: - Đối với trẻ bình thường, cân đo: 3 tháng/ lần. - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi 1 lần/ tháng. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển.
5	MT5	Trẻ biết phòng tránh các bệnh thường gặp. Trẻ được theo dõi tiêm chủng. Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp: Cúm mùa, đau mắt đỏ, tay chân miệng,... - Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp: Ngã, đi lạc, hóc, sặc...

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

STT	MÃ	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
		Lĩnh vực phát triển thể chất	
		<i>Phát triển vận động</i>	
6	MT6	Trẻ thực hiện đúng, đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	* Các động tác phát triển hô hấp: + Hít vào thật sâu, thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng các cơ bả vai. - Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai: + Động tác 1: Đưa tay lên cao, ra phía trước, sang ngang + Động tác 2: Đưa hai tay ra phía trước - sau và vỗ vào nhau. + Động tác 3: Đưa tay ra trước, gập khuỷu tay + Động tác 4: Đưa hai tay ra phía trước, về phía sau + Động tác 5: Đánh xoay tròn hai vai - Các động tác phát triển cơ lưng, bụng, lườn:

			+ Động tác 1: Nghiêng người sang 2 bên. + Động tác 2: Quay người sang 2 bên. + Động tác 3: Đứng cúi về trước. + Động tác 4: Ngồi, cúi về trước, ngửa người ra sau. + Động tác 5: Ngồi, quay người sang hai bên. - Các động tác phát triển cơ chân: + Động tác 1: Đứng, một chân đưa lên trước, khụy gối. + Động tác 2: Đứng, một chân nâng cao, gập gối. + Động tác 3: Đứng, nhún chân, khụy gối. + Động tác 4: Ngồi nâng hai chân, duỗi thẳng. + Động tác 5: Bật lên trước, ra sau, sang bên.
7	MT7	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi khụy gối, đi bằng gót chân, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	- Đi bằng gót chân. - Đi khụy gối. - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.
8	MT8	Trẻ giữ được thăng bằng khi đi bước lùi liên tiếp 3m.	- Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m
9	MT9	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi trên ghế thể dục.	- Đi trên ghế thể dục. - Đi trên ghế thể dục, đầu đội túi cát. - Đi bước dòn trước trên ghế thể dục. - Đi bước dòn ngang trên ghế thể dục.
10	MT10	Trẻ kiểm soát được vận động khi đi đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích đặc).	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng theo vật chuẩn.
11	MT11	Trẻ kiểm soát được vận động khi chạy đổi hướng, vận động đúng tín hiệu vật chuẩn.	- Chạy nhanh, chạy chậm. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh.
12	MT12	Trẻ thể hiện nhanh nhẹn khi chạy 15m trong 10 giây.	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây.
13	MT13	Trẻ biết thể hiện sức bền khi biết chạy	- Chạy chậm khoảng 60 – 80m.

		chậm 60 – 80m.	
14	MT14	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động tung bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 3m).	- Tung- bắt bóng. - Tung và bắt bóng với người đối diện khoảng cách 3m.
15	MT15	Trẻ biết phối hợp vận động tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng.
16	MT16	Trẻ biết ném xa bằng 1 tay, 2 tay.	- Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay.
17	MT17	Trẻ biết phối hợp tay – mắt khi thực hiện vận động ném trúng đích.	- Ném trúng đích thẳng đứng (xa 1,5m x cao 1,2m) - Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,2 – 1,4m)
18	MT18	Trẻ biết phối hợp bò bằng bàn tay, bàn chân và định hướng trong không gian khi bò.	- Bò bằng bàn tay, bàn chân 3 – 4m. - Bò đích dắc qua 5 điểm.
19	MT19	Trẻ biết khéo léo bò chui qua cổng, ống dài (1,2 x 0,6m).	- Bò chui qua cổng. - Bò chui qua ống dài (1,2 x 0,6m).
20	MT20	Trẻ biết đập bóng xuống sàn và bắt bóng khi bóng nảy lên.	- Đập và bắt bóng tại chỗ.
21	MT21	Trẻ biết phối hợp khéo léo chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.	- Chuyền, bắt bóng qua đầu - Chuyền, bắt bóng qua chân.
22	MT22	Trẻ biết trườn theo hướng thẳng.	- Trườn theo ý thích. - Trườn theo hướng thẳng.
23	MT23	Trẻ khéo léo, giữ thăng bằng trèo lên xuống 5 gióng thang.	- Trèo lên, xuống 5 gióng thang.
24	MT24	Trẻ biết trèo qua ghế dài.	- Trèo qua ghế dài 150cm x 30cm.
25	MT25	Trẻ có thể dùng sức mạnh để thực hiện các vận động bật nhảy	- Bật liên tục về phía trước. - Bật liên tục qua các vạch kẻ. - Bật liên tục vào vòng. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm

26	MT26	Trẻ biết bật xa 35 – 40cm.	- Bật xa 35 – 40cm.
27	MT27	Trẻ biết nhảy lò cò.	- Nhảy lò cò 3m.
28	MT28	Trẻ thực hiện được các cử động của bàn tay, ngón tay.	- Cuộn – xoay tròn cổ tay. - Gập mở các ngón tay. - Vo, xoáy, xoắn, búng ngón tay, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi...
29	MT29	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt.	Áp dụng phương pháp steam để phát triển kỹ năng cá nhân khi thực hiện vận động : Gập giấy ; Lắp ghép hình ; Xé, cắt đường thẳng ; Tô, vẽ hình ; Xếp chồng ; Tắt sợi ; Cài, cởi cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây... <i>- Kỹ năng cầm chuột, bấm, di chuột máy tính.</i>
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
30	MT30	Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng với sức khỏe.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Ích lợi của các thực phẩm, các món ăn đối với sức khỏe.
31	MT31	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Nhận biết một số món ăn hàng ngày. <i>- Biết một số thực phẩm, món ăn đặc sản của địa phương (Món Chả rươi Đông Triều, nếp cái hoa vàng)</i>
32	MT32	Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày.	- Cách rửa tay bằng xà phòng, cách lau mặt, đánh răng. - Các đồ dùng cần thiết để rửa tay, lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi đồ thức ăn.
33	MT33	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống.	Một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ. + Khi ăn không đùa nghịch, không là đồ vãi thức ăn.

			+ Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn.
34	MT34	Trẻ không ăn thức ăn có mùi ôi thiu, không uống nước lã.	- Nhận biết các món ăn ôi thiu, nước lã. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì).
35	MT35	Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Mặc trang phục phù hợp với thời tiết: đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.
36	MT36	Trẻ nhận ra và tránh một số đồ vật nguy hiểm, nơi nguy hiểm.	- Nhận ra Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng là nguy hiểm không đến gần; Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch. - Nhận ra những nơi như ao hồ, nương nước, suối, sông, bể chứa nước, giếng nước, hồ ga không có nắp đậy....
37	MT37	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	- Không cười đùa trong khi ăn, không uống và khi ăn những loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn ôi thiu, ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được sự cho phép của người lớn. - Không leo trèo bàn ghế lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi trường lớp.
38	MT38	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
		Lĩnh vực phát triển nhận thức	
		<i>Khám phá khoa học</i>	

39	MT39	Trẻ biết chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	- Các bộ phận của cơ thể con người: Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.
40	MT40	Trẻ nói được đặc điểm, công dụng và cách sử dụng của các đồ dùng, đồ chơi thông thường trong sinh hoạt hằng ngày.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
41	MT41	Phân loại các đối tượng theo 1 - 2 dấu hiệu.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1- 2 dấu hiệu như công dụng, chất liệu,... - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu..
42	MT42	Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
43	MT43	Trẻ so sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi.	- So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi về tên gọi, đặc điểm cấu tạo, hình dáng, chất liệu.....
44	MT44	Trẻ biết đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.
45	MT45	Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của con vật, cây, hoa, quả. + Quan sát, so sánh một số vật nuôi trong gia đình; Một số con vật sống trong rừng; Một số con vật sống dưới nước; Một số loại côn trùng...
46	MT46	Trẻ nhận biết một số đặc điểm của thực vật.	- Đặc điểm bên ngoài của cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + Quan sát vườn cây; vườn hoa; vườn rau, công viên; + Quan sát, so sánh một số loại cây; hoa; rau; quả... + Quan sát, theo dõi sự lớn lên của cây; Cùng cô trồng vườn, gieo hạt, tưới cây. Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1- 2 dấu hiệu.
47	MT47	Trẻ nhận biết một số đặc điểm của động	- Đặc điểm bên ngoài của con vật gần gũi, ích lợi và tác hại

		vật.	đối với con người. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
48	MT48	Trẻ biết một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt con người. + Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. + Thứ tự các mùa trong năm và các hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa. - Quan sát, nhận xét các hiện tượng thời tiết: mưa, nắng, gió, bão...theo mùa. + Nêu được một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. + Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.
49	MT49	Trẻ nhận biết ngày và đêm.	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
50	MT50	Trẻ biết đặc điểm, tính chất của nước, tác dụng của nước với đời sống con người, con vật và cây.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
51	MT51	Trẻ biết đặc điểm của không khí, ánh sáng và tác dụng của nó.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
52	MT52	Trẻ biết đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi

53	MT53	Trẻ biết khám phá thế giới xung quanh qua Ngôi nhà khoa học của SAMMY và biết thực hành phân loại, sắp xếp, quan sát, dự đoán và xây dựng các trò chơi. (Kidsmart)	- Phân loại các bức tranh theo đúng chủng loại. - Thiết kế đồ chơi và máy móc. - Khám phá động vật, thực vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa. - Vận dụng các yếu tố thời tiết khác nhau. - Sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim.
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
54	MT54	Trẻ quan tâm đến chữ số và số lượng.	- Thích đếm các vật ở xung quanh. - Phát hiện chữ số ở môi trường xung quanh trẻ. - Hứng thú tham gia các hoạt động đếm số lượng, chữ số ở lớp. - <i>Trải nghiệm các chữ số, số lượng trong phần trò chơi kismart...</i>
55	MT55	Trẻ nhận biết chữ số, số lượng, số thứ tự từ 1 – 5.	- Đếm các nhóm có 5 đối tượng. - Nhận biết và sử dụng các chữ số từ 1 - 5 để chỉ số lượng.
56	MT56	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10, đếm theo khả năng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. - Đếm theo khả năng. - <i>Đếm số lượng nhận diện chữ số trong ngôi nhà toán học của Millie (Phần mềm kismart)</i>
57	MT57	Trẻ so sánh được số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Đếm các nhóm đối tượng. - So sánh số lượng của 2 nhóm trong phạm vi 10.
58	MT58	Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Đếm các nhóm đối tượng. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
59	MT59	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.	- Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn và đếm. - <i>Khám phá căn phòng “Làm toán” trong ngôi nhà toán</i>

			<i>học của Millie (Phần mềm kisdmart)</i>
60	MT60	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...).
61	MT61	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1 – 1. - Ghép đôi. - Xếp theo quy tắc: Tìm quy tắc sắp xếp của các vật dụng hàng ngày; tự xếp theo quy tắc nào đó và nói ra quy tắc đó; nhận ra quy tắc sắp xếp sẵn có của 3 đối tượng và tiếp tục theo quy tắc đó. <i>- Nhận dạng các mẫu, sắp xếp theo quy tắc trong căn phòng anh Bin & chị Bon (ngôi nhà toán học của Millie - Phần mềm kisdmart)</i>
62	MT62	Trẻ biết so sánh hai đối tượng, cách đo độ dài, đo dung tích và nói kết quả đo.	- So sánh kích thước, chiều cao, chiều rộng, chiều dài của 2 – 3 đối tượng. - Sắp xếp 3 đối tượng theo sự tăng dần hoặc giảm dần về kích thước. - Nhận biết mục đích của phép đo. - Đo độ dài của 1 vật bằng 1 đơn vị đo. - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo.
63	MT63	Trẻ nhận biết được sự giống và khác nhau giữa hai hình (tròn, tam giác, vuông, chữ nhật).	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. + Phân biệt hình tròn - hình vuông, hình tròn - Hình chữ nhật, hình tròn - hình tam giác. + Phân biệt hình vuông - hình tam giác, hình vuông - hình chữ nhật. + Phân biệt hình chữ nhật với hình tam giác. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu <i>trong căn phòng ngôi nhà chuột (ngôi nhà toán học của Millie - Phần mềm kisdmart).</i>

64	MT64	Trẻ biết xác định được vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác.	- Xác định phía phải, phía trái của bản thân. - Xác định phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của bản thân. - Xác định phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của đồ vật so với bản thân trẻ. - Xác định phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của đồ vật so với bạn khác.
65	MT65	Trẻ nhận biết được các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	Nhận biết các buổi trong ngày: sáng, trưa, chiều, tối. <i>Khám phá ngôi nhà không gian và thời gian của Trudy (Phần mềm kisdmart).</i>
		Khám phá xã hội	
66	MT66	Trẻ nhận biết được bản thân khi được hỏi, trò chuyện. Biết các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể biết quyền được bảo vệ không bị xâm hại.	- Họ tên, tuổi, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Tên, chức năng của bộ phận trên cơ thể. - Các giác quan của con người.
67	MT67	Trẻ nhận biết về gia đình khi được hỏi, trò chuyện. Vai trò của những thành viên trong gia đình. Biết được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Địa chỉ của gia đình. Một số nhu cầu của gia đình. - Quyền được sống chung với cha mẹ, được chăm sóc nuôi dưỡng, quyền được vui chơi, học tập.
68	MT68	Trẻ có hiểu biết về trường mầm non.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp. - Tên, công việc của cô giáo và các cô bác trong trường. - Các hoạt động của trường của lớp.
69	MT69	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, một số đặc điểm, sở thích của các bạn trong lớp. - Các hoạt động vui chơi của trẻ và các bạn.
70	MT70	Trẻ nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động của một số nghề phổ biến. - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động của một số

			nghề truyền thống ở địa phương (<i>Nghề nông nghiệp, nghề gốm</i>). - Yêu quý người lao động, trân trọng sản phẩm của người lao động.
71	MT71	<i>Trẻ biết tên gọi, đặc điểm nổi bật, của một số sản phẩm nông sản đặc trưng của quê hương (Na dai)</i>	- <i>Tên gọi, đặc điểm nổi bật, quá trình sản xuất cây na dai</i>
72	MT72	Trẻ biết tên gọi, đặc điểm của một số ngày lễ hội của đất nước, <i>của địa phương.</i>	- Tên gọi, đặc điểm, các hoạt động của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa nơi trẻ sống: Khai giảng, Tết Trung thu, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày sinh nhật Bác, Tết nguyên đán, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.... - <i>Lễ hội Đền An Sinh (20/8 Âm Lịch); lễ hội Thái Miếu (18 tháng Giêng), lễ hội chùa Quỳnh Lâm (01/2 Âm lịch)</i>
73	MT73	Trẻ kể được tên và một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Trẻ biết được tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Thủ đô Hà Nội, quê Bác (Nghệ An). - <i>Địa phương: Chùa Quỳnh Lâm; đền An Sinh; chùa Trung Tiết, chùa Ngọa Vân.</i>
		Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
74	MT74	Trẻ thực hiện được 2- 3 yêu cầu liên tiếp.	- Lắng nghe và hiểu được 2 – 3 yêu cầu liên tiếp. - Hiểu và thực hiện được 2 - 3 yêu cầu
75	MT75	Trẻ hiểu nghĩa của từ khái quát: Rau cỏ, con vật, đồ gỗ, phương tiện giao thông...	- Các từ chỉ tên gọi, đặc điểm, tính chất, công dụng, các loại rau, quả, con vật.... và các từ biểu cảm. - Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác.
76	MT76	Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao, ca dao, phù hợp với độ tuổi.	+ Nghe và cảm nhận được các vần điệu, nhịp điệu của bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi, phù hợp với chủ đề. + Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.

77	MT77	Trẻ biết chú ý lắng nghe, không ngắt lời, chờ đến lượt mình và trao đổi với người đối thoại.	- Chăm chú lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói, không ngắt lời, chờ đến lượt mình - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Trao đổi, trả lời các câu hỏi với người khác về đồ dùng, đồ chơi, đồ dùng gia đình, về các con vật và cây cối...
78	MT78	Trẻ biết diễn đạt để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa âm khó. - Nói rõ ràng để người khác nghe có thể hiểu biết được. - Diễn đạt ý tưởng, trả lời được theo ý câu hỏi. - Tốc độ, âm lượng phù hợp với người nghe.
79	MT79	Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... trong giao tiếp.
80	MT80	Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hàng ngày. - Trả lời được các câu hỏi: Ai ? Cái gì ? Ở đâu ? Khi nào ?...
81	MT81	<i>Trẻ phát âm một số từ đơn giản chỉ người, đồ vật, con vật, phương tiện giao thông ; một số từ chào hỏi, các con số bằng Tiếng Anh.</i>	+ Dùng một số từ chào hỏi đơn giản hàng ngày như Hello (Xin chào), Goodbye (Tạm biệt), Thank you (cảm ơn), Sorry (Xin lỗi).... + Số lượng: one (Số 1), two (số 2), Three (số 3)... + Thực vật: Apple (Quả táo); Banana (Quả chuối); Orange (Quả cam) + Động vật: Cat (Con mèo); dog (Con chó); bear (Con hổ). + Phương tiện giao thông: Car (Ô tô); Bus (Xe buýt); Taxi (Xe tắc xi)
82	MT82	Trẻ biết kể lại các sự việc đơn giản theo trình tự thời gian.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Kể lại các sự việc, hiện tượng đã gặp, đã xảy ra... - Kể lại sự việc theo trình tự thời gian.
83	MT83	Trẻ có thể đọc thuộc các bài thơ, ca dao,	- Đọc thuộc các bài thơ, ca dao, đồng dao.

		đồng dao....	- đọc biểu cảm kết hợp với cử chỉ điệu bộ, bài thơ, đồng dao đơn giản..
84	MT84	Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại chuyện đã được nghe có mở đầu, kết thúc.
85	MT85	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện.	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện. - Đóng kịch. - Diễn rối.
86	MT86	Trẻ biết sử dụng các từ như: mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Hiểu nghĩa các từ mời cô, mời bạn,, cảm ơn, xin lỗi... - Sử dụng các từ đó trong giao tiếp.
87	MT87	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được, phù hợp với tình huống giao tiếp. - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.
88	MT88	Trẻ có biểu tượng ban đầu về ký hiệu/ chữ cái/ chữ viết	- Nhận dạng một số chữ cái - Tập tô, đồ các nét chữ - <i>Sử dụng phần mềm happy kid hoạt động làm quen chữ cái.</i>
89	MT89	Trẻ biết chọn sách, sử dụng sách.	- Chọn sách theo ý thích để xem. - Chọn sách theo chủ đề nào đó được yêu cầu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc truyện”. - Xem và nghe các loại sách khác nhau. - Phân biệt mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn bảo vệ sách.
90	MT90	Trẻ biết “đọc” sách theo tranh minh họa.	- Cho trẻ tự “đọc”, “đọc” sách theo ý thích (đọc vẹt). - “Đọc” truyện qua tranh vẽ. - Đọc sáng tạo theo trí tưởng tượng của trẻ. - Đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
91	MT91	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Xem tranh, mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. - Đóng kịch.

			- Diễn rối.
92	MT92	Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm <i>bằng tiếng Việt và tiếng Anh</i>	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...) <i>bằng tiếng Việt và tiếng Anh</i>
93	MT93	Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng....	- Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng....
Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội			
94	MT94	Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	+ Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên, tuổi bố, mẹ. + Trò chuyện, đàm thoại, giới thiệu về mình, về gia đình...
95	MT95	Trẻ nói được điều trẻ thích, không thích, những việc gì trẻ có thể làm được.	+ Nói được sở thích, khả năng của bản thân + Tìm hiểu về sở thích, khả năng của bản thân, của bạn.
96	MT96	Trẻ biết chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	+ Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. + Tự chọn các trò chơi, vật liệu chơi, màu vẽ, giấy vẽ, sách... + Chơi các trò chơi, các tình huống để trẻ trải nghiệm khám phá về bản thân, về các bạn(cân, đo, so sánh cân nặng, chiều cao của mình, của bạn...)
97	MT97	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao	+ Thực hiện được công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi...)
98	MT98	Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc «vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ» của mình và người khác qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ qua tiếp xúc trực tiếp giọng nói, tranh ảnh....
99	MT99	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc, tình cảm với người thân và bạn bè.	- Trẻ chơi thân thiện với bạn. - Quan tâm, an ủi bạn bè, người thân khi họ bị ốm, mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, cử chỉ. - Chúc mừng người thân, bạn bè,..... vào ngày sinh nhật,

			ngày lễ. - Vui mừng, cổ vũ khi người thân, bạn bè chiến thắng trong cuộc thi, gặt chuyện vui.....
100	MT100	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, Lăng Bác Hồ	+ Trẻ nhận ra hình ảnh của Bác Hồ, lăng bác Hồ qua tranh ảnh và một số địa điểm gắn liền với hoạt động của Bác.
101	MT101	Trẻ biết thể hiện tình cảm của Bác Hồ qua hát, kể chuyện về Bác Hồ.	+ Kính yêu Bác Hồ. + Nhận biết và thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua xem tranh ảnh, hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
102	MT102	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương, đất nước.	- Cảnh đẹp lớn của quê hương, đất nước: Vịnh Hạ Long, Lăng Bác Hồ; tết Nguyên Đán, ngày giỗ tổ Hùng Vương; trang phục áo dài....; <i>- Quan tâm đến di tích lịch sử như đền An Sinh, chùa Quỳnh Lâm, Khu di tích nhà Trần, Chùa Ngọa Vân... lễ hội Đền Sinh, Thái miếu...</i>
103	MT103	Trẻ tự giác thực hiện một số công việc ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	+ Vâng lời ông bà, bố mẹ. + Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ. + Trật tự khi ăn, khi ngủ. + Đi bên phải lề đường. + Không bẻ cành, ngắt hoa. + Bỏ rác đúng nơi qui định.
104	MT104	Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	+ Thực hiện các qui tắc trong sinh hoạt hàng ngày: + Chào hỏi, xưng hô, cảm ơn, xin lỗi lễ phép với người lớn
105	MT105	Trẻ chú ý lắng nghe khi cần thiết.	- Lắng nghe bố mẹ, ông bà, cô giáo và các bạn nói trong khi giao tiếp. - Lắng nghe ý kiến của người khác trong các hoạt động tập thể.
106	MT106	Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	+ Tuân theo trật tự, chờ đến lượt khi được nhắc nhở. + Biết xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang,

			không xô đẩy người khác, không tranh giành , không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
107	MT107	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật.....).	- Trao đổi, thỏa thuận, phối hợp với các bạn cùng thực hiện hoạt động tập thể (chơi, trực nhật,...).
108	MT108	Trẻ thích chăm sóc cây cối con vật quen thuộc.	- Thích thú vui vẻ nhận nhiệm vụ chăm sóc chăm sóc, tưới cây; cho con vật quen thuộc, hiền lành ăn. - Không bẻ cành, ngắt hoa.
109	MT109	Trẻ thực hiện được một số hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	Thể hiện các hành vi đúng đối với môi trường xung quanh trong sinh hoạt hàng ngày: + Cất đồ chơi vào nơi qui định sau khi chơi + Bỏ rác đúng nơi qui định. + Không bẻ cành, ngắt hoa. + Tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. + Không để tràn nước khi rửa tay
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
110	MT110	Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống tác phẩm nghệ thuật.
111	MT111	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng) của các tác phẩm tạo hình.	+ Nhận ra được cái đẹp. + Thể hiện sự thích thú: reo hò, khen ngợi, xuýt xoa, ngắm nghía trước cái đẹp. + Vui sướng vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi được nghe âm thanh và ngắm nhìn sự vật, hiện tượng.
112	MT112	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ,...	+ Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. + Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc (Tán thưởng, bắt chước âm thanh, sử

			dụng các từ gợi cảm...) nói lên cảm xúc của mình.
113	MT113	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Vỗ tay, sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu chậm. - Khuyến khích trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.
114	MT114	Trẻ biết phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc và biết sử dụng để đệm theo nhịp bài hát, bản nhạc.	- Lắng nghe, phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm. - Phát triển khả năng phản ứng âm nhạc, trí nhớ âm nhạc, tai nghe âm nhạc thông qua các trò chơi âm nhạc.
115	MT115	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Áp dụng phương pháp steam để trẻ phát triển khả năng sáng tạo tự nghĩ ra các hình thức vận động phù hợp - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
116	MT116	Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu và tiết tấu bài hát.	+ Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
117	MT117	Trẻ cảm nhận được giai điệu (vui nhộn, êm dịu, buồn...) của bài hát hoặc bản nhạc.	+ Nghe các bài hát, bản nhạc, có tiết tấu, giai điệu, tính chất khác nhau + Phân biệt các bài hát, bản nhạc theo tính chất, giai điệu (vui, buồn, nhanh, chậm...) - <i>Cảm nhận được giai điệu bài hát dân ca, nhạc nước ngoài</i>
118	MT118	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm đơn giản.	- Quan sát, ngắm nhìn các tác phẩm nghệ thuật được tạo nên từ các nguyên vật liệu khác nhau. - Lựa chọn, sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, để tạo ra các sản phẩm đa dạng, phong phú.
119	MT119	Trẻ có khả năng cắt, xé giấy theo đường	+ Cầm kéo đúng cách.

		thẳng.	+ Cắt, xé thành thạo theo đường thẳng của giấy. + Cắt không làm rách giấy.
120	MT120	Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động nặn tạo thành sản phẩm theo yêu cầu.	- Sử dụng các kỹ năng : Làm mềm đất, làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết
121	MT121	Trẻ biết dán, sắp xếp các hình để tạo thành sản phẩm có bố cục, kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	+ Bôi hồ đều. + Các chi tiết không bị chồng lên nhau. + Dán hình vào đúng vị trí.
122	MT122	Trẻ biết nhận xét sản phẩm của mình, của bạn	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dạng/đường nét...
123	MT123	Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.	+ Tự lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. + Trả lời được câu hỏi làm cái gì? + Tại sao lại làm như thế?
124	MT124	Trẻ đặt tên cho sản phẩm mình tạo ra.	- Gọi tên sản phẩm thể hiện ý tưởng của trẻ một cách tổng quát nhất.

III. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Tên chủ đề	Chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện		Ghi chú
		Thời lượng	Thời gian	
			Từ 05/09/2023 đến 06/09/2024	
Trường Mầm non	Trường MN An Sinh A của bé	1 Tuần	Từ 09/09/2024 đến 13/09/2024	1
	Bé vui Tết Trung thu	1 Tuần	Từ 16/09/2024 đến 20/09/2024	2
	Lớp học thân yêu của bé.	1 Tuần	Từ 23/09/2024 đến 27/09/2024	3
	Đồ dùng đồ chơi lớp học	1 Tuần	Từ 01/10/2024 đến 04/10/2024	4

Bản thân	Bé là ai?	1 Tuần	Từ 07/10/2024 đến 11/10/2024	5
	Ngày thành lập HLHPN 20/10	1 Tuần	Từ 14/10/2024 đến 18/10/2024	6
	Cơ thể bé	<i>1 Tuần</i>	<i>Từ 21/10/2024 đến 25/10/2024</i>	<i>7</i>
Gia đình của bé	Gia đình và những người thân của bé	1 Tuần	Từ 28/10/2024 đến 01/11/2024	8
	Đồ dùng gia đình bé	1 Tuần	Từ 04/11/2024 đến 08/11/2024	9
	Ngôi nhà gia đình bé	1 Tuần	Từ 11/11/2024 đến 15/11/2024	10
	Ngày hội của thầy cô	1 Tuần	Từ 18/11/2024 đến 22/11/2024	11
Nghề nghiệp	Nghề phổ biến quen thuộc	1 Tuần	Từ 25/11/2024 đến 29/11/2024	12
	Nghề dịch vụ	1 Tuần	Từ 02/12/2024 đến 06/12/2024	13
	Nghề truyền thống	1 Tuần	Từ 09/12/2024 đến 13/12/2024	14
	Ngày thành lập QĐNDVN 22/12	1 Tuần	Từ 16/12/2024 đến 20/12/2024	15
<i>Thế giới động vật</i>	<i>Động vật thuộc lớp chim</i>	<i>1 tuần</i>	Từ 23/12/2024 đến 27/12/2024	16
	<i>Muôn thú quanh ta</i>	<i>1 tuần</i>	Từ 30/12/2023 đến 03/01/2025	17
	<i>Động vật thuộc lớp cá</i>	<i>1 Tuần</i>	Từ 06/01/2025 đến 10/01/2025	18
	Côn trùng	1 Tuần	Từ 13/01/2025 đến 17/01/2025	19
Tết nguyên đán, mùa xuân và lễ hội quê hương	Tết nguyên đán	1 tuần	Từ 20/01/2025 đến 24/01/2025	20
	<i>Nghỉ tết từ 27/01/2025 (Thứ Hai, ngày 28 tháng Chạp) đến hết ngày 08/02/2025 (Thứ Bảy, ngày 11 tháng Giêng).</i>			

	Mùa xuân	1 tuần	Từ 10/02/2025 đến 14/02/2025	21
	Lễ hội quê em	1 tuần	Từ 17/02/2025 đến 21/02/2025	22
Thế giới thực vật	Một số loại cây	1 tuần	Từ 24/02/2025 đến 28/02/2025	23
	Ngày hội 8/3	1 tuần	Từ 03/03/2025 đến 07/03/2025	24
	Một số loại hoa	1 Tuần	Từ 10/03/2025 đến 14/03/2025	25
	Một số loại rau, củ, quả	1 Tuần	Từ 17/03/2025 đến 21/03/2025	26
Giao thông	Các phương tiện giao thông.	1 Tuần	Từ 24/03/2025 đến 28/03/2025	27
	Một số biển báo giao thông quen thuộc.	1 Tuần	Từ 31/03/2025 đến 04/04/2025	28
	Luật lệ giao thông	1 Tuần	Từ 07/04/2025 đến 11/04/2025	29
Nước và các hiện tượng thiên nhiên	Nước và đời sống con người	1 Tuần	Từ 14/04/2025 đến 18/04/2025	30
	Một số hiện tượng tự nhiên	1 Tuần	Từ 21/04/2025 đến 25/04/2025	31
	Bảo vệ môi trường	1 Tuần	Từ 28/05/2025 đến 02/05/2025	32
Quê hương, đất nước, Bác Hồ	Quê hương yêu dấu	1 Tuần	Từ 05/05/2025 đến 09/05/2025	33
	Đất nước Việt Nam diệu kỳ	1 Tuần	Từ 12/05/2025 đến 16/05/2025	34
	Bác Hồ kính yêu	1 Tuần	Từ 19/05/2025 đến 23/05/2025	35
Tổng: 10 chủ đề		35 tuần		

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH (CÓ PHIẾU KÈM THEO)

GIÁO VIÊN THỰC HIỆN

 

Vũ Thị Oanh + Vũ Thị Cúc Phương

XÁC NHẬN TỔ CHUYÊN MÔN



Phạm Thị Thu Hạnh

XÁC NHẬN CỦA BGH




Lê Thị Mai Hương